

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, về việc “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1994

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

(*Chị T có đơn xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh H hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 30-9-2015, số: 83/2015. Sau khi đăng ký kết hôn thì hai người cũng chưa chung sống với nhau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, anh H đi làm xa và chị nghi ngờ anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác mà hai bên không giải quyết được. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về nuôi con chung: Chị và anh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không sắp xếp được thời gian và công việc nên chị yêu cầu được xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh vẫn không đến Tòa án để làm việc. Do đó không ghi được lời khai của anh.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, đơn xin xét xử vắng mặt; đơn yêu cầu xác minh, biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương của các đương sự, biên bản ghi nhận v/v bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, biên bản v/v không tiến hành hòa giải được, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn triệu tập hợp lệ 02 lần không đến nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, tuy nhiên do anh H vắng mặt nên không ghi được ý kiến và yêu cầu. Đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh H có nơi cư trú tại ấp 7, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện yêu cầu ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị là nguyên đơn, anh H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 17/3/2020 Tòa án lập biên bản ghi nhận không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án căn cứ vào Điều 207; khoản 2, Điều 208; khoản 3, Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải, đồng thời Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt biết.

- Chị T có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn anh H đã được niêm yết triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, vào sổ cấp giấy số 83/2015, ngày 30/9/2015. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Hai người không tổ chức đám cưới, tuy nhiên sau khi đăng ký kết hôn xong thì về chung sống với nhau 01 thời gian ở bên gia đình chị T thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, anh H đi làm xa nên chị T có nghi ngờ anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác mà hai bên không giải quyết được. Bản thân anh H đã được Tòa án tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, qua đó thể hiện anh H có thái độ bỏ mặc không có Tên chí hòa giải đoàn tụ. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 03/2/2020, ngày 03/02/2020 cũng phù hợp với lời khai chị T.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị, cho chị được ly hôn với anh H, quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, tuy nhiên do anh H vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh H không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005743 ngày 07-01-2020 của Chi cục T hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để T hành);
- UBND xã PT (số 83/2015, ngày 30/5/2015) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

